

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương**

Mã chứng khoán: **OGC**

Địa chỉ trụ sở chính: số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04. 37727252

Fax: 04. 37727073

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Huy Giang**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04. 37727252

Fax: 04. 37727073

Loại thông tin công bố:

24 giờ     Bất thường     Theo yêu cầu     Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

+ Công bố thông tin Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2016

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/8/2016 tại đường dẫn: <http://oceangroup.vn/cong-bo-thong-tin/cong-bo-bao-cao-tai-chinh-soat-xet-06-thang-dau-nam-2016.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tổng Giám đốc



Lê Huy Giang

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2016

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016  
(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 06
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	07 - 61
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 61



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu số 0102278484 ngày 30 tháng 07 năm 2015. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OGC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Thọ	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Hà Trọng Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Huy Giang	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Dũng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2016)
Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2016)
Bà Nguyễn Hải Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 06 năm 2016)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BÒ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Lê Huy Giang**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

Phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

---

**Lê Quang Thọ**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương được lập ngày 29 tháng 08 năm 2016, từ trang 7 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương ("OCH") (công ty con của Công ty) đang ghi nhận một số khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, trả trước cho người bán dài hạn, và các khoản phải thu ngắn hạn khác và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sau khi đã trích lập dự phòng với số tiền 539.828.547.984 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 607.253.548.300 đồng). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty mẹ và OCH cùng các đối tác liên quan chưa cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu về các giao dịch này. Đối với các số dư này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng cho các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương ("OCH") (công ty con của Công ty) đang ghi nhận một số khoản phải thu về cho vay là các khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho một số công ty và lãi dự thu tương ứng sau khi trích lập dự phòng và bù trừ công nợ, tài sản đảm bảo với số tiền 721.033.954.334 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 862.556.726.760 đồng). Đối với các số dư này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi đối với số dư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng cho các khoản hỗ trợ vốn và lãi dự thu nêu trên hay không.

Công ty đã thực hiện trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty SDCON tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long - Công ty con của Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ với số tiền là 332.854.050.000 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các cơ sở bằng chứng thích hợp về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi đối với khoản công nợ này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh lại số liệu có liên quan đến việc trích lập bổ sung dự phòng của khoản công nợ phải thu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, 8, 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có khoản tiền ứng trước cho Dự án tại tỉnh Quảng Ninh với số tiền 1.204.503.300 đồng, khoản ký quỹ để triển khai một số dự án đầu tư tại tỉnh Quảng Ninh với số tiền 51.000.000.000 đồng và tổng hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án tập hợp được với số tiền 45.589.400.919 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 45.557.400.919 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này bằng các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty mẹ. Kế hoạch của Công ty liên quan đến vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6, Thuyết minh số 7, Thuyết minh số 20 và Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đang đánh giá một số khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn khác cho một số công ty với số tiền 883.343.298.951 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 777.185.003.910 đồng) có khả năng thu hồi trên cơ sở bù trừ công nợ, mặc dù Công ty chưa ký thỏa thuận với các đối tác này về việc bù trừ công nợ phải thu, phải trả phát sinh từ các hợp đồng kinh tế khác nhau.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có thể có một số nghĩa vụ tiềm tàng theo các điều khoản ký kết trong hợp đồng nguyên tắc liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương. Công ty chưa đánh giá và trình bày các nghĩa vụ tiềm tàng phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Công ty đang trong quá trình đánh giá liệu có hay không các nghĩa vụ tiềm tàng phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đang ghi nhận khoản chênh lệch thiếu tiền mặt giữa tồn quỹ thực tế và số dư trên sổ kế toán với số tiền 3.508.248.253 đồng trên khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý" (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.508.248.253 đồng). Công ty đang trong quá trình xác định để xử lý/thu hồi "Tài sản thiếu chờ xử lý" này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 4(e)(3) và 18(1) phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đang trong quá trình làm việc với Ngân hàng TMCP Quốc Dân về việc thống nhất xử lý tài sản thế chấp và nghĩa vụ thanh toán khoản gốc vay, lãi vay phát sinh.

Ngoài các vấn đề nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc về các khoản nợ tiềm tàng đã được trình bày tại Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc *h*

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2.888.043.619.162</b>	<b>3.094.494.447.121</b>
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	170.797.029.875	239.450.141.907
111	1. Tiền	94.175.029.875	140.352.259.964
112	2. Các khoản tương đương tiền	76.622.000.000	99.097.881.943
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	60.751.018.400	117.171.913.956
121	1. Chứng khoán kinh doanh	93.895.727.759	146.517.527.759
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(34.794.709.359)	(33.786.169.359)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.650.000.000	4.440.555.556
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.324.934.557.510	2.461.124.809.228
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	178.025.320.954	213.399.550.922
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	540.707.639.198	546.255.455.479
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.520.393.804.339	1.524.393.804.339
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	2.583.177.332.251	2.532.032.192.565
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.501.331.017.067)	(2.359.051.309.555)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	3.961.477.835	4.095.115.478
140	IV. Hàng tồn kho	306.705.624.145	247.583.476.531
141	1. Hàng tồn kho	306.705.624.145	247.583.476.531
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	24.855.389.232	29.164.105.499
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.476.690.358	4.296.545.597
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13.041.144.118	15.545.761.607
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8.337.554.756	9.321.798.295

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.507.145.101.671</b>	<b>3.825.615.044.294</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>860.193.368.362</b>	<b>1.120.966.422.386</b>
212 2. Trả trước cho người bán dài hạn	6	1.183.920.403.374	1.181.459.728.374
216 6. Phải thu dài hạn khác	8	508.528.048.552	508.506.694.012
219 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	10	(832.255.083.564)	(569.000.000.000)
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>1.326.218.754.341</b>	<b>794.559.256.757</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.254.233.955.312	704.374.220.788
222 - Nguyên giá		1.576.570.504.673	1.018.335.042.185
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(322.336.549.361)	(313.960.821.397)
227 3. Tài sản cố định vô hình	14	71.984.799.029	90.185.035.969
228 - Nguyên giá		75.610.485.830	105.952.953.748
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(3.625.686.801)	(15.767.917.779)
<b>230 III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>-</b>	<b>131.561.813.139</b>
231 - Nguyên giá		-	264.389.086.110
232 - Giá trị hao mòn lũy kế		-	(132.827.272.971)
<b>240 IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>257.089.455.918</b>	<b>501.651.318.893</b>
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	257.089.455.918	501.651.318.893
<b>250 V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>445.881.000.893</b>	<b>669.782.530.080</b>
252 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		295.947.214.748	319.378.387.586
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		171.101.778.800	360.142.135.149
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(21.167.992.655)	(9.737.992.655)
<b>260 VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>617.762.522.157</b>	<b>607.093.703.039</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	16	423.767.101.682	378.238.111.285
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.358.502.666	11.507.849.896
269 5. Lợi thế thương mại	17	190.636.917.809	217.347.741.858
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b><u>6.395.188.720.833</u></b>	<b><u>6.920.109.491.415</u></b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.942.236.685.201</b>	<b>4.881.830.676.276</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.369.683.107.262</b>	<b>3.056.929.260.428</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	68.354.449.953	68.273.624.946
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	493.014.839.711	497.759.042.272
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	147.955.908.899	152.276.978.352
314 4. Phải trả người lao động		11.920.862.805	12.632.387.456
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	572.474.961.473	294.656.902.363
318 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	10.130.607.840	14.526.538.226
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	23	964.947.880.966	1.004.346.429.725
320 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.094.106.625.939	1.006.484.456.582
322 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.776.969.676	5.972.900.506
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.572.553.577.939</b>	<b>1.824.901.415.848</b>
332 2. Người mua trả tiền trước dài hạn	20	101.672.849.093	101.672.849.093
336 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	318.558.502.100	322.733.574.011
337 7. Phải trả dài hạn khác	23	737.741.626.930	750.692.963.040
338 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	326.376.919.562	575.477.972.129
341 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		88.203.680.254	73.433.394.738
342 12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	890.662.837
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.452.952.035.632</b>	<b>2.038.278.815.139</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25</b>	<b>1.452.952.035.632</b>	<b>2.038.278.815.139</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
414 4. Vốn khác của chủ sở hữu		1.286.825.482	1.286.825.482
415 5. Cổ phiếu quỹ		(10.000)	(10.000)
418 8. Quỹ đầu tư phát triển		109.844.798.907	108.373.203.002
420 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.345.072.839	14.345.072.839
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.229.013.125.550)	(1.780.182.221.203)
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.756.666.083.921)	(2.401.444.291.902)
421b LNST chưa phân phối kỳ này		(472.347.041.629)	621.262.070.699
429 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		556.488.473.954	694.455.945.019
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.395.188.720.853</b>	<b>6.920.109.491.415</b>

Bùi Văn Hương  
Người lập biểu

Vũ Xuân Dương  
Kế toán trưởng



Lê Huy Giang  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	392.985.043.019	354.738.197.385
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	540.534.947	303.117.587
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	392.444.508.072	354.435.079.798
11	4. Giá vốn hàng bán	30	254.597.909.738	209.602.654.460
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.846.598.334	144.832.425.338
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	52.814.165.372	106.172.442.043
22	7. Chi phí tài chính	32	99.382.135.782	124.464.024.924
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		86.698.729.390	105.260.245.562
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(23.431.172.838)	2.734.557.710
25	9. Chi phí bán hàng	33	47.614.469.802	43.948.228.587
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	486.248.039.806	116.027.700.491
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(466.015.054.522)	(30.700.528.911)
31	12. Thu nhập khác		2.465.695.867	18.372.537.108
32	13. Chi phí khác		15.285.756.861	4.267.451.081
40	14. Lợi nhuận khác		(12.820.060.994)	14.105.086.027
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(478.835.115.516)	(16.595.442.884)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	8.062.814.846	36.735.749.518
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		17.055.474.574	(20.140.391.994)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(503.953.404.936)</u>	<u>(33.190.800.408)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(472.350.041.629)	(22.750.402.646)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(31.603.363.307)	(10.440.397.762)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(1.680)	(76)



Bùi Văn Hương  
Người lập biểu



Vũ Xuân Dương  
Kế toán trưởng



Lê Huy Giang  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(478.835.115.516)</b>	<b>(16.595.442.884)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	47.647.023.126	34.725.742.283
03	- Các khoản dự phòng	417.973.331.076	38.425.457.839
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(51.961.691.415)	(91.613.014.776)
06	- Chi phí lãi vay	86.698.729.390	105.260.245.562
07	- Các khoản điều chỉnh khác	7.898.468.513	14.795.992.552
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>29.420.745.174</b>	<b>84.998.980.576</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(933.277.076)	(85.991.257.921)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(59.122.147.614)	(2.290.808.023)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	164.558.807.982	(88.651.360.929)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	7.569.246.194	680.836.187
14	- Tiền lãi vay đã trả	(128.124.387.703)	(7.708.866.443)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(22.179.590.740)	(5.719.593.891)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.931.718.436	6.933.524.687
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.026.544.411)	(9.487.773.395)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(12.905.429.758)</b>	<b>(107.236.319.152)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(50.036.606.028)	(5.141.790.576)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	885.757.089	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(26.094.000.000)	(6.529.544.444)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	31.444.000.000	11.250.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(100.000.000)	(11.428.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	48.705.923.000	53.381.987.236
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.945.682.431	106.692.442.043
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19.750.756.492</b>	<b>148.225.094.259</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(75.498.438.766)	(25.920.693.765)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(75.498.438.766)</b>	<b>(25.920.693.765)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*(tiếp theo)*

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(68.653.112.032)	15.068.081.342
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		239.450.141.907	238.779.912.156
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>170.797.029.875</u>	<u>253.847.993.498</u>

Bùi Văn Hương  
Người lập biểu

Vũ Xuân Dương  
Kế toán trưởng



Lê Huy Giang  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu số 0102278484 ngày 30 tháng 07 năm 2015. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OGC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 đồng, tương đương với 300.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và Công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh sân giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Kinh doanh khách sạn và dịch vụ;
- Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Hà Tĩnh	Thương mại
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh bất động sản

Tại ngày 30/06/2016, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương có các Công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	Hải Dương	55,53	55,53	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Hà Nội	94,00	99,99	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên thiên nhiên Đại Dương	Hà Nội	69,00	69,00	Trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ, sản xuất đồ gỗ

Tại ngày 30/06/2016, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương có các Công ty con như sau (Tiếp theo):

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản giao dịch hàng hóa INFO	Hà Nội	85,00	85,00	Sản giao dịch hàng hóa
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Bất động sản TKD Việt Nam	Hà Nội	98,70	98,70	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Công nghệ Xô số Đại Dương	Hà Nội			Chưa thực hiện góp vốn

Tại ngày 30/06/2016, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Bắc Ninh	21,00	21,00	Xây dựng công trình đường sắt
Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Dương	Hà Nội	37,50	37,50	Kinh doanh chứng khoán

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 3.9 triệu cổ phần (tương đương 65% vốn điều lệ) đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam ("THT"). Công ty con của Công ty. Ngày 01 tháng 02 năm 2016, Công ty chính thức hoàn thành nghĩa vụ và thoái vốn khỏi THT. THT không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 481,6 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 khoảng 2.229 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lỗ lũy kế khoảng 1.780,2 tỷ đồng), đồng thời Công ty có dòng tiền âm từ hoạt động kinh doanh. Những yếu tố này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện nay, Công ty tiếp tục thực hiện các Dự án của mình và cũng đang tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng các Dự án với giá phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng đang tích cực thu hồi các khoản công nợ từ hỗ trợ vốn ngắn hạn cho đối tác và các khoản đã góp vốn vào các dự án đầu tư. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng thực hiện các vấn đề nêu trên. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.

Lợi nhuận kế toán trước thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục ký biên bản bàn giao đối với các căn hộ còn lại cho khách hàng mua nhà tại dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe - Star City Lê Văn Lương" Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Do phần lớn các căn hộ thuộc Dự án trên được bàn giao trong năm 2015 nên doanh thu, giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản 6 tháng đầu năm nay giảm mạnh so với 6 tháng đầu năm trước.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2016 tăng mạnh so với 6 tháng đầu năm 2015, do ảnh hưởng của việc Công ty tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu, trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Công ty vẫn tiếp tục dồn sức thu hồi các khoản công nợ này.
- Khách sạn StarCity 4 sao của Công ty TNHH MTV Sao Hổm Nha Trang là công ty con của Công ty bắt đầu đi vào hoạt động làm cho doanh thu cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm nay tăng so với 6 tháng đầu kỳ năm trước.



## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

- Trường hợp công ty mẹ thoái một phần vốn và vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm;
- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung: khi chuyển công ty con sở hữu gián tiếp thành công ty con sở hữu trực tiếp hoặc ngược lại, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con do thay đổi cơ cấu sở hữu trong công ty con.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác; chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán hoặc tỷ giá giao dịch thực tế.  
Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC, các khoản hỗ trợ vốn và các khoản phải thu được Công ty trích lập dự phòng căn cứ vào tình hình tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Số dự phòng trích lập được xác định căn cứ vào số dư nợ gốc và đánh giá của Ban Tổng giám đốc về khả năng thu hồi trên cơ sở bù trừ với các khoản công nợ Công ty phải trả và giá trị tài sản đảm bảo.

Số dư Trả trước cho người bán dài hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là các khoản tiền ứng trước để thực hiện các dự án bất động sản, đầu tư trong các kỳ tiếp theo.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Các tài sản khác	03-08 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc thiết bị	10 năm

#### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoãn nhập.

#### 2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

## 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và trị dài thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.



b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	9.392.010.672	7.245.869.501
Tiền gửi ngân hàng	84.676.680.469	127.832.440.839
Tiền đang chuyển	106.338.734	5.273.949.624
Các khoản tương đương tiền (*)	76.622.000.000	99.097.881.943
	<u>170.797.029.875</u>	<u>239.450.141.907</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/ năm đến 7%/ năm.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	1.650.000.000	1.650.000.000	4.440.555.556	4.440.555.556
	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>4.440.555.556</b>	<b>4.440.555.556</b>

##### b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (1)	50.427.000.000	15.632.370.000	(34.794.630.000)	50.427.000.000	16.640.910.000	(33.786.090.000)
- Công ty Cổ phần Fafim Việt Nam (1) (2)	39.897.130.200	-	-	39.897.130.200	-	-
- Công ty Cổ phần Fafim thành phố Hồ Chí Minh (1)	3.571.425.000	-	-	3.571.425.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát	-	-	-	50.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	-	-	-	2.621.800.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy Sản Hùng Vương	172.559	-	(79.359)	172.559	-	(79.359)
	<b>93.895.727.759</b>	<b>15.632.370.000</b>	<b>(34.794.709.359)</b>	<b>146.517.527.759</b>	<b>16.640.910.000</b>	<b>(33.786.169.359)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

##### c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	30/06/2016			01/01/2016		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ
	VND	%	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	37,5	37,5	191.719.214.748	37,5	37,5	215.150.387.586
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	21,0	21,0	104.228.000.000	21,0	21,0	104.228.000.000
			<u>295.947.214.748</u>			<u>319.378.387.586</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 41.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Hà Nội	37,5	37,5	Kinh doanh chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Bắc Ninh	21	21	Xây dựng công trình đường bộ

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

##### d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát (3)	50.000.000.000		-	-		-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng (4)	2.621.800.000		-	-		-
- Novotel Imperial Hội An Resort (5)	-		-	189.383.774.997		-
- Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam (6)	31.491.200.000		-	31.491.200.000		-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội (7)	22.000.000.000		-	22.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Pafim Việt Nam (8)	18.563.678.800		-	18.563.678.800		-
- Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (9)	11.430.000.000		(11.430.000.000)	11.430.000.000		-
- Công ty Cổ phần Truyền thông TVShopping (10)	11.250.000.000		-	11.250.000.000		-
- Công ty Cổ phần Bảo Linh (11)	11.220.000.000		(9.486.859.227)	11.220.000.000		(9.486.859.228)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (12)	8.995.100.000		-	8.995.100.000		-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Kinh doanh Công trình Công nghiệp VietSing	-		-	52.278.381.352		-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
- Đầu tư dài hạn khác	1.530.000.000		(251.133.428)	1.530.000.000		(251.133.427)
	<b>171.101.778.800</b>	<b>-</b>	<b>(21.167.992.655)</b>	<b>360.142.135.149</b>	<b>-</b>	<b>(9.737.992.655)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (1) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty nắm 9,5% quyền sở hữu trong PVR, 34% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam và 25% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Fafilm thành phố Hồ Chí Minh. Công ty xác định quyền sở hữu này chỉ là tạm thời và Công ty sẽ chuyển nhượng các khoản đầu tư này trong tương lai gần. Do vậy, các khoản đầu tư này được phân loại và trình bày tại khoản mục "Chứng khoán kinh doanh" trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.
- (2) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty mẹ đã thế chấp 3.289.102 cổ phiếu Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (gọi tắt là "BOT") với ngân hàng này.
- (3) Phân ánh số tiền 50 tỷ đồng Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) mua 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7% cổ phần tại công ty này theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 01 tháng 10 năm 2013.
- (4) Phân ánh số tiền 2.621.800.000 đồng Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - công ty con của Công ty) mua 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7% cổ phần tại công ty này theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 01 tháng 10 năm 2013.
- (5) Trong kỳ khoản đầu tư vào dự án Novotel Imperial Hội An Resort đã được phân loại sang tài sản cố định.
- (6) Phân ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam với số cổ phần sở hữu là 1.084.100 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 18,07% trên vốn điều lệ của công ty này. Toàn bộ số cổ phần này được nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sóng Đà. Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) đã ký hợp đồng và thực hiện chuyển nhượng số cổ phần đang nắm giữ (100.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam. Tại thời điểm phát hành báo cáo, giao dịch chưa được hoàn thành.
- (7) Phân ánh khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - công ty con của Công ty) vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội với số cổ phần sở hữu là 3.400.000 cổ phần.
- (8) Phân ánh khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) vào Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam với số cổ phần sở hữu là 1.837.988 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.837.988 cổ phần).
- (9) Phân ánh khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) vào Công ty Cổ phần Kinh mắt Hà Nội với số cổ phần sở hữu là 375.000 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 375.000 cổ phần).
- (10) Phân ánh khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - công ty con của Công ty) vào Công ty Cổ phần Truyền thông TVshopping với số cổ phần sở hữu là 750.000 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 750.000 cổ phần).
- (11) Phân ánh khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (công ty con của Công ty) vào Công ty Cổ phần Bảo Linh với số cổ phần sở hữu là 1.000.000 cổ phần.
- (12) Phân ánh khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương - công ty con của Công ty) vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng với số cổ phần sở hữu là 879.510 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 879.510 cổ phần).

#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

##### e) Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (*)	Hải Dương	55,53	55,53	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Hà Nội	94,00	99,99	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên thiên nhiên Đại Dương	Hà Nội	69,00	69,00	Trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ, sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch hàng hóa INFO	Hà Nội	85,00	85,00	Sàn giao dịch hàng hóa
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Bất động sản TKD Việt Nam (**)	Hà Nội	98,70	98,70	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Công nghệ Xổ số Đại Dương (***)	Hà Nội			Chưa thực hiện góp vốn đầu tư

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã sử dụng một số cổ phiếu nắm giữ đi cầm cố. Chi tiết như sau:

Tên Công ty	Số lượng tại 30/06/2016 (Cổ phiếu)
<b>Cầm cố cổ phiếu tại các Công ty</b>	
Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng (1)	7.000.000
Công ty Cổ phần Bình Dương Xanh (2)	8.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân (3)	32.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (4)	10.695.652
Ngân hàng TMCP Đại Dương (5)	8.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (6)	50.000
<b>Tổng</b>	<b>65.695.652</b>
<b>Nhận cầm cố phiếu từ Công ty:</b>	
Công ty Cổ phần Thương Mại và Đầu tư Mạnh Hà (7)	6.695.652
<b>Tổng:</b>	<b>6.695.652</b>
<b>Cổ phiếu nắm giữ sau cầm cố</b>	<b>59.000.000</b>

(1) Công ty đã sử dụng 7 triệu cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho hợp đồng vay ngắn hạn giữa Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội liên quan đến khoản tiền nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng để cùng thực hiện dự án "Xây dựng công viên hồ điều hòa thuộc khu đô thị Tây Nam Hà Nội".

#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Công ty đã sử dụng 8 triệu cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Bình Dương Xanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Long Sơn ("Long Sơn") như trình bày tại Thuyết minh số 8. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 024/2016/HĐQT-OGC ngày 01/06/2016 về việc không đồng ý ủy quyền xử lý 08 triệu cổ phiếu OCH mà Công ty đã dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của Bình Dương Xanh với Long Sơn theo đề nghị của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

(3) Công ty đã sử dụng 32 triệu cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho hợp đồng vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc Dân ("NCB") để thực hiện dự án "Khu đô thị số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang". Ngày 07 tháng 07 năm 2015, NCB gửi công văn số 305A/2015/CV-NCB yêu cầu Công ty thực hiện bổ sung tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng này trước ngày 15 tháng 07 năm 2015. Sau thời gian này, nếu Công ty không bổ sung tài sản đảm bảo, NCB sẽ thực hiện giải chấp 32 triệu cổ phiếu này. Theo công văn số 429/2016/CV-NCB ngày 21 tháng 06 năm 2016, NCB thông báo cho Công ty sẽ tiến hành thủ tục giải chấp để xử lý tài sản bảo đảm trong thời gian từ 01/07/2016 đến 31/07/2016 đối với toàn bộ 32 triệu cổ phiếu OCH đã thế chấp nhằm thu hồi nợ. Đến thời điểm lập báo cáo, Ban Tổng giám đốc Công ty và NCB vẫn đang trong quá trình làm việc và đưa ra phương án giải quyết.

(4) Công ty đã sử dụng 4 triệu cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của Công ty và 6.695.652 cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà (như trình bày tại Thuyết minh số 7) để đảm bảo cho hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang ("BOT"), công ty liên kết của Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)".

(5) Công ty đã sử dụng 8 triệu cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của Công ty để làm một phần tài sản đảm bảo cho khoản tiền nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Hoàng Thành vào dự án "Tổ hợp thương mại, Tài chính dịch vụ và nhà ở Đại Dương" tại xã Thiện Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh như trình bày tại Thuyết minh số 23.

(6) Ngày 17 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được thông báo Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("EVNFC") về việc xử lý tài sản cầm cố 19,95 triệu cổ phiếu OCH trong tổng số tài sản cầm cố 20 triệu cổ phiếu OCH. Sau giao dịch này, Công ty sở hữu 111.050.000 cổ phiếu OCH, tương đương với 55,53% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết như trình bày tại Thuyết minh số 23.

(7) Như trình bày tại Thuyết minh số 7, Công ty đã nhận thế chấp 6.695.652 cổ phiếu OCH thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà ("Mạnh Hà") để đảm bảo cho khoản hỗ trợ vốn của Công ty cho Mạnh Hà.

(\*\*) Công ty đã tiến hành các thủ tục để thành lập công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản TKD Việt Nam với số tiền 115.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty dự kiến góp 112.000.000.000 đồng, tương đương 98% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã thực hiện góp 30 triệu đồng.

(\*\*\*) Ngày 25/12/2012, Công ty đã tiến hành các thủ tục để thành lập Công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Xổ số Đại Dương. Công ty Cổ phần Công nghệ Xổ số Đại Dương có vốn điều lệ đăng ký là 300.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty sở hữu 51% tỷ lệ cổ phần. Tại ngày 30/06/2016 Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con này, đồng thời Nghị quyết số 003/2016/NQ-HĐQT-OGC ngày 23/02/2016 Công ty đã đề xuất giải thể Công ty Cổ phần Công nghệ Xổ số Đại Dương.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Robot Tosy	28.283.010.000	28.283.010.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	20.635.963.722	20.635.963.722
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nhà	12.015.448.545	12.015.448.545
- Công ty CP Thương mại Mika	8.389.042.438	8.389.042.438
- Cửa hàng 236 Khánh Hội	3.695.033.007	5.683.478.315
- Các khoản phải thu khách hàng khác	105.006.823.242	138.392.607.902
	<b><u>178.025.320.954</u></b>	<b><u>213.399.550.922</u></b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>540.707.639.198</b>	<b>546.255.455.479</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà (1)	181.608.284.269	182.115.284.269
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành An (2)	144.000.000.000	144.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội (3)	76.510.571.122	83.529.709.010
- Công ty TNHH MTV Du lịch và Xúc tiến Đầu tư Viptour (4)	40.600.000.000	40.600.000.000
- Các đối tượng khác	97.988.783.807	96.010.462.200
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.183.920.403.374</b>	<b>1.181.459.728.374</b>
- Công ty TNHH VNT (5)	528.016.082.500	528.016.082.500
- Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh (6)	198.226.211.840	198.226.211.840
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn tài chính Liên Việt (7)	145.000.000.000	145.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (8)	86.488.444.173	86.488.444.173
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Báo Minh (9)	66.000.000.000	66.000.000.000
- Công ty Cổ phần Licogi 19 (10)	57.000.000.000	57.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (11)	49.083.247.680	49.083.247.680
- Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (12)	41.222.392.181	41.222.392.181
- Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng (13)	8.582.025.000	6.121.350.000
- Dự án chợ Nhật Tân (14)	4.302.000.000	4.302.000.000
	<b><u>1.724.628.042.572</u></b>	<b><u>1.727.715.183.853</u></b>
<b>c) Các khoản trả trước người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)		



## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

(1) Đây là khoản ứng trước để thi công 02 dự án: Dự án khách sạn Sao Hôm Nhà Trang và Dự án StarCity Westlake Hà Nội, Hiện tại dự án Sao Hôm Nhà Trang đã hoàn thành và Công ty đang thực hiện các thủ tục, hồ sơ quyết toán với nhà thầu, giá trị ứng trước của dự án này là: 138.324.122.712 đồng, Dự án StarCity Westlake Hà Nội đang triển khai, chưa hoàn thành giá trị đã ứng trước của dự án này là 43.284.161.557 đồng.

(2) Số dư các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành An liên quan đến việc thi công dự án "Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Khách sạn" tại Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi trích lập dự phòng, số dư còn lại là 43,2 tỷ đồng.

(3) Số dư khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội ("Vneco") để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe - Starcity Lê Văn Lương" ("Starcity Lê Văn Lương") tại đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo hợp đồng mua bán bất động sản và ủy quyền bán.

Theo hợp đồng, Vneco sẽ chia sẻ lại phần tham gia góp vốn bằng chính các hạng mục và bất động sản tại dự án này cho Công ty và ủy quyền toàn bộ cho Công ty trong việc quyết định bán, mua, bán lại, chứng thực cho quá trình mua/bán của khách hàng/nhà đầu tư thứ cấp.

Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 phản ánh khoản chênh lệch giữa số tiền thanh toán theo tiến độ cho Vneco gắn liền với các giai đoạn thực hiện của dự án và số đã kết chuyển vào giá vốn theo giá tạm tính tương ứng với doanh thu nhượng bán bất động sản đã ghi nhận.

(4) Đây là khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty CP Viptour - Togi ("Viptour"), Công ty con của Công ty, trong đó bao gồm số tiền: 18.714.461.700 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang làm việc với Công ty Viptour về việc sẽ thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên và sẽ làm việc để thu hồi khoản ứng trước 21.885.538.300 đồng còn lại.

(5) Số dư ứng trước người bán dài hạn với Công ty TNHH VNT ("VNT") phản ánh:

- Khoản tiền ứng trước với số tiền 450 tỷ đồng theo hợp đồng nguyên tắc về việc tham gia thực hiện dự án "Khu đô thị số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang" với tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 2.817 tỷ đồng. Tỷ lệ tham gia của Công ty trong dự án này là 20%. Tại ngày 22 tháng 3 năm 2016, theo Nghị quyết 009/2016/NQ-HĐQT-OGC, Công ty thông qua chủ trương thanh lý hợp đồng nguyên tắc này và chuyển khoản trả trước này sang phải thu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đang đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu dài hạn này trên cơ sở bù trừ công nợ nhận ứng trước từ VNT liên quan hợp đồng tổng thầu của dự án trên với số tiền là 220 tỷ đồng, mặc dù Công ty không có thỏa thuận với đối tác này về việc bù trừ công nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế khác nhau. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang làm việc với VNT về việc thanh lý các hợp đồng nguyên tắc này và bù trừ các khoản công nợ giữa hai bên.

- Khoản tiền ứng trước với số tiền 78.016.082.500 đồng về việc tham gia thực hiện dự án "Xây dựng công viên hồ điều hòa thuộc khu đô thị Tây Nam Hà Nội" với tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 1.865 tỷ đồng. Tỷ lệ tham gia của Công ty trong dự án này là 40%.

Công ty đã ký hợp đồng và nhận tiền góp vốn vào dự án trên từ Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng để cùng thực hiện dự án trên với số tiền 200 tỷ đồng như trình bày tại Thuyết minh 23(13).

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

(6) Thể hiện khoản tiền ứng trước theo thỏa thuận đặt cọc mua khu thương mại thuộc dự án SSG Tower của Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Khu thương mại này đã được Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng quyền tài sản cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà ("Mạnh Hà") như trình bày tại Thuyết minh 23(14).

Theo đó, Công ty đang đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu dài hạn này trên cơ sở bù trừ công nợ phải thu với nhận ứng trước từ Mạnh Hà với số tiền là 200 tỷ đồng, mặc dù Công ty chưa ký các thỏa thuận với đối tác này về việc bù trừ công nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế khác nhau.

(7) Phản ánh khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Tài chính Liên Việt để nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty này tại Dự án Gia Định Plaza. Theo Nghị quyết số 022/2016/NQ-HDQT-OGC ngày 19 tháng 05 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua chủ trương chấm dứt việc nhận ủy quyền thực hiện Dự án này với Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Tài chính Liên Việt.

(8) Phản ánh:

- Khoản tiền 65.553.500.000 đồng là số tiền góp vốn với OceanBank và Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng theo hợp đồng ba bên để cùng góp 96,3% vốn thực hiện dự án "Khu nhà ở Căn bộ công nhân viên Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ" tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thống (chủ đầu tư chiếm 3,7% vốn của dự án). Tỷ lệ góp vốn của Công ty trong dự án này là 50%. Công ty sẽ tiếp tục góp vốn theo tiến độ của dự án tương ứng với tỷ lệ vốn góp và được hưởng sản phẩm của dự án theo tỷ lệ vốn góp thực tế tính đến thời điểm dự án hoàn thành.
- Khoản tiền chuyển cho Ocean Bank mua lại quyền tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phú từ Công ty Cổ phần BSC Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 11,6%. Số tiền vốn góp đã chuyển tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 20.934.944.173 đồng.

Khoản đầu tư này được Công ty chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng như trình bày tại Thuyết minh số 23(11).

(9) Là số tiền ứng trước với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh ("Bảo Minh") để thực hiện dự án "Khu Siêu thị, Văn phòng Giao dịch Thương mại và Nhà ở" tại 317 Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, dự án đang bị chậm tiến độ do đó phát sinh khoản tiền lãi phải thu là 28.002.299.999 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 08(09).

(10) Là khoản tiền góp vốn cùng Công ty Cổ phần Licogi 19 để hai bên lập Liên doanh hợp tác đầu tư thực hiện dự án "Xây dựng Tòa nhà hỗn hợp - Văn phòng Thương mại và Nhà ở" tại đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty đã ký hợp đồng và nhận tiền góp vốn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nội như trình bày tại Thuyết minh số 23(12) để cùng thực hiện dự án trên.

(11) Phản ánh:

Khoản tiền đã ứng trước với số tiền 44.383.247.680 đồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện dự án "Trung tâm thiết kế thời trang và cao ốc văn phòng cho thuê" (Dự án "Lega Fashion House") của công ty này. Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh vào ngày 09/06/2015 và đang dồn đốc thu hồi khoản công nợ này.

Khoản tiền Công ty đã góp vốn vào Dự án Gia Định Plaza cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định với số tiền 4.700.000.000 đồng.

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

(12) Số dư ứng trước dài hạn cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) phản ánh:

- Khoản ứng trước với số tiền 40.017.888.881 đồng để nhận chuyển nhượng toàn bộ 5 tầng Trung tâm thương mại của Dự án Hanoi Time Tower tại lô đất CT10-11, khu đô thị Văn Phú, quận Hà Đông, Hà Nội. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty và Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam đang làm việc để chuyển khoản đặt cọc thành thuê một phần diện tích trung tâm thương mại dài hạn tại Dự án trên.
- Khoản ứng trước với số tiền 1.204.503.300 đồng liên quan đến việc chuyển giao quyền đầu tư dự án "Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Khách sạn" tại Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(13) Phản ánh khoản tiền chuyển cho Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng nộp tiền sử dụng đất để thực hiện Dự án "Trung tâm thương mại - văn phòng - khách sạn - căn hộ cho thuê" tại 25 Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

(14) Phản ánh một phần khoản tiền chuyển cho Ủy ban Nhân dân Quận Tây Hồ liên quan đến việc Công ty tham gia và trúng thầu việc quản lý, kinh doanh và khai thác chợ Nhật Tân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội. Trong năm 2014, UBND thành phố Hà Nội đã có quyết định giao đất cho Công ty.

Tại ngày 16 tháng 9 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng thế chấp tài sản và thế chấp quyền tài sản của Công ty đối với dự án này cho Công ty Cổ phần Vincom Retail (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce), Công ty TNHH Vincom Center Bà Triệu và Công ty TNHH MTV Vincom Mega Mall Royal City với số tiền 24.501.238.356 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền lãi vay theo thỏa thuận mà Công ty Cổ phần BSC Việt Nam sẽ phải thanh toán cho ba công ty trên theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Trung tâm Văn Hóa Thể thao Giải trí Hà Nội.

## 7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà (1)	555.611.804.339	555.611.804.339
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	380.500.000.000	380.500.000.000
Công ty TNHH Gió Hát (1)	199.001.000.000	199.001.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Linh (1)	75.000.000.000	78.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Nguyên (1)	70.060.000.000	70.060.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà (1)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VNT (1)	28.600.000.000	29.600.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tráng Tiền Nhà Trang (2)	162.200.000.000	162.200.000.000
Công ty CP Robot Topy	6.000.000.000	6.000.000.000
Khác	3.421.000.000	3.421.000.000
	<u>1.520.393.804.339</u>	<u>1.524.393.804.339</u>

Các khoản cho vay ngắn hạn là các bên liên quan.

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

(1) Phản ánh các khoản Công ty hỗ trợ vốn ngắn hạn cho các đối tác này với tổng số tiền là 1.348.772.804.339 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.352.772.804.339 đồng), có chi phí sử dụng vốn từ 10%/năm đến 13%/năm, có thời hạn từ 6 tháng đến 01 năm kể từ ngày bắt đầu. Các khoản này được đảm bảo bằng nghĩa vụ tài chính của Công ty với các đối tượng nhận các khoản hỗ trợ vốn nói trên hoặc không có tài sản đảm bảo.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Riêng đối với khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà ("Mạnh Hà"), ngoài việc được đảm bảo bằng nghĩa vụ tài chính phải trả của Công ty đối với Mạnh Hà, tài sản đảm bảo còn có 6.695.652 cổ phiếu OCH thuộc quyền sở hữu của Mạnh Hà với mệnh giá tương đương với 66.956.520.000 đồng. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đánh giá giá trị tài sản đảm bảo này theo giá trị nhận nợ của tài sản đảm bảo này là 73.652.172.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi dựa trên thời gian chậm thanh toán và tình hình tài chính của các công ty đã nhận hỗ trợ vốn với số tiền là 603.002.705.074 đồng. Ngoài ra, Công ty đang đánh giá khả năng thu hồi khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn đối với Mạnh Hà và Vneco trên cơ sở bù trừ công nợ khoản Công ty hỗ trợ vốn ngắn hạn với khoản phải trả các đối tác này với số tiền lần lượt là 33.672.222.222 đồng và 123.512.781.688 đồng (bao gồm 32.826.888.888 đồng như trình bày tại Thuyết minh số 23(09) và còn phải trả theo cam kết số tiền 90.685.892.800 đồng như trình bày tại Thuyết minh số 39), mặc dù Công ty không có thỏa thuận với các đối tác này về việc bù trừ công nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế khác nhau. Số còn lại sau dự phòng và bù trừ công nợ là 576.359.841.304 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 642.026.046.328 đồng). Ban Tổng Giám đốc tin tưởng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là thận trọng và phù hợp với các thông tin mà Công ty có được tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(2) Phản ánh khoản tiền Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang chuyển cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang vay theo hợp đồng vay ngày 13 tháng 01 năm 2014. Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang đang làm việc với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang và các bên có liên quan để có biện pháp đôn đốc, thu hồi đối với khoản công nợ nêu trên.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.583.177.332.251</b>	<b>2.532.032.192.565</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà (1)	672.814.500.000	672.845.180.000
- Công ty TNHH VNT (2)	448.815.839.258	449.515.839.258
- Công ty Cổ phần Bình Dương Xanh (3)	270.150.000.000	270.150.000.000
- Dự án "Xây dựng công viên hồ điều hòa thuộc đô thị Tây Nam Hà Nội" (4)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Phải thu liên quan đến chi phí hỗ trợ vốn vay (5)	140.826.522.947	133.741.372.949
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Đầu tư Việt Nam (6)	56.768.170.073	56.768.170.073
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ công an (7)	111.840.134.000	53.519.162.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng (8)	35.515.056.108	35.515.056.108
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Báo Minh (9)	28.002.299.999	28.002.299.999
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất (10)	10.010.000.000	10.010.000.000
- Ông Hà Trọng Nam (11)	128.161.447.928	128.161.447.928
- Bà Hữu Thị Bích Hạnh (12)	56.794.444.446	56.794.444.446
- Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An (13)	21.106.666.666	20.753.333.333
- Công ty Cổ phần Đầu tư và tư vấn tài chính Liên Việt (14)	40.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang (15)	35.552.260.551	35.552.260.551
- Tạm ứng cho nhân viên	167.834.967.042	161.891.813.822
- Kỹ quỹ, kỹ cước	111.576.611.050	113.077.085.000
Sơ tài chính Tỉnh Quảng Ninh (16)	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty TNHH VNT (17)	60.000.000.000	60.000.000.000
Đối tượng khác	576.611.050	2.077.085.000
- Phải thu ngắn hạn khác	175.408.412.183	193.734.727.098

**8 . PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>	<b>508.528.048.552</b>	<b>508.506.694.012</b>
- Ông Hà Trọng Nam (11)	500.000.000.000	500.000.000.000
- Các đối tượng khác	8.528.048.552	8.506.694.012
	<u><b>3.091.705.380.803</b></u>	<u><b>3.040.538.886.577</b></u>

**c) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41)

(1) Số dư phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà phân ánh:

- Khoản đặt cọc với số tiền 313.349.250.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 313.349.250.000 đồng) của Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long ("OTL") (công ty con của Công ty) để thi công Dự án tòa nhà chung cư cao cấp Starcity Center theo hợp đồng nguyên tắc giữa hai bên.
- Phân ánh khoản đầu tư mua trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà với số tiền 141.000.000.000 đồng. Số trái phiếu này đã đáo hạn vào 18/12/2014, đến thời điểm kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà chưa thanh toán gốc và lãi cho Công ty, phần lãi trái phiếu dự thu của khoản đầu tư vào 141 tỷ đồng trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà với lãi suất cố định 12%/năm cho năm đầu tiên. Các năm sau được thà nổi và được tính theo phương pháp bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi 12 tháng trả lãi sáu của Hội sở chính Vietcombank, Vietinbank, BIDV tại ngày đến hạn trả lãi hàng năm của trái phiếu cộng 2,5%/năm. Ngày thanh toán lãi là 18/12 hàng năm.
- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn không có tài sản đảm bảo với số tiền lần lượt là 56 tỷ đồng và 130 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 56 tỷ đồng, 130 tỷ đồng). Thời gian hỗ trợ vốn là 9-10 ngày, lãi suất là 10,5%/năm. Hai khoản hỗ trợ vốn này đã lần lượt đến hạn thanh toán vào ngày 27 tháng 10 năm 2014 và ngày 30 tháng 11 năm 2014.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 02/BB-DHDCĐ ngày 02 tháng 3 năm 2015, OTL quyết định miễn lãi cho toàn bộ khoản tiền hỗ trợ vốn và đặt cọc thi công đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà.

(2) Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH VNT chủ yếu phân ánh:

- Khoản tiền 210 tỷ đồng Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư ("IOC"), công ty con của Công ty, trả trước cho VNT theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2011/HD-CNCP ngày 06 tháng 9 năm 2011 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 21.000.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương từ VNT. Theo điều khoản của Hợp đồng, Công ty có quyền hưởng cổ tức phát sinh từ số cổ phần trên cho đến hết ngày hoàn thiện thủ tục sang tên cổ phần.
- Khoản IOC phải thu Công ty TNHH VNT với số tiền 6.300.000.000 đồng liên quan tới Cổ tức năm 2013 được chia của Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2014/NQ-DHDCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014 mà Công ty được hưởng theo quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2011/HD-CNCP ngày 06 tháng 9 năm 2011 nêu trên.
- Khoản tiền lãi 3.534.113.913 đồng của khoản tiền IOC cho VNT vay vốn ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 7.
- Khoản Công ty mẹ phải thu của Công ty TNHH VNT với giá trị 203.300.000.000 VND, đây là khoản phải thu được phân loại lại từ chi tiêu đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/ĐTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang với công ty TNHH VNT đã được chấm dứt vào ngày 19 tháng 10 năm 2015.
- Phân ánh khoản lãi phải thu VNT liên quan đến khoản tiền 450 tỷ đồng Công ty đã ứng trước cho công ty này để thực hiện hợp tác đầu tư dự án "Khu số 1 thuộc Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang" như trình bày tại Thuyết minh số 6(5).

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang làm việc Công ty TNHH VNT để thu hồi gốc và lãi các khoản phải thu trên.

## 8 . PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(3) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư của Công ty với Công ty Cổ phần Bình Dương Xanh ("Bình Dương Xanh") với mục đích đầu tư cổ phiếu ngắn hạn của Công ty Cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát ("Gia Phát"). Theo đó, Công ty sẽ được hưởng tỷ lệ lợi tức tối thiểu là 9,5%/năm trên số tiền đầu tư. Khoản hợp tác đầu tư này có thời hạn ban đầu là 01 năm. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 014/2016/HĐQT-OGC ngày 07/04/2016 Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương không tiếp tục thực hiện đầu tư vào cổ phiếu Gia Phát và sẽ thu hồi lại khoản hợp tác đầu tư này.

(4) Khoản tiền ứng trước với tổng số tiền 72 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long ("OTL") về việc tham gia thực hiện Dự án "Xây dựng công viên hồ điều hòa thuộc khu đô thị Tây Nam Hà Nội".

(5) Phản ánh khoản lãi phải thu từ các hợp đồng hỗ trợ vốn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

(6) Phản ánh khoản tiền phải thu Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Đầu tư Việt Nam ("Phát triển Việt Nam") cho giao dịch giải chấp hơn 2.461.210 cổ phiếu OCH thuộc quyền sở hữu của Công ty để thanh toán khoản nợ của Phát triển Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

(7) Khoản tiền tạm giữ của Cục cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - Bộ Công an theo Công văn số 1793/C46(P11) ngày 04 tháng 6 năm 2015 liên quan đến việc điều tra vụ án Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, theo quyết định khởi tố vụ án số 116/C46-P11 ngày 21 tháng 10 năm 2014 xảy ra tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đại Dương. Đây là khoản tiền nộp trước theo tiến độ dự án StarCity Westlake Hanoi của các cá nhân mua nhà tại Công ty Cổ phần Viptour - Togi.

(8) Phản ánh khoản Công ty thực hiện chuyển khoản 35.515.056.108 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng chưa có hợp đồng kinh tế kèm theo và chưa xác định rõ mục đích. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ số dư này.

(9) Phản ánh khoản lãi phải thu Báo Minh liên quan đến khoản tiền Công ty ứng trước cho công ty này để thực hiện dự án "Khu Siêu thị, Văn phòng Giao dịch Thương mại và Nhà ở" tại 317 Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội như trình bày tại Thuyết minh 6(9).

(10) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng quyền khai thác sử dụng Dự án xây dựng văn phòng làm việc tại IP Thái Hà, Hà Nội.

(11) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (Bên liên quan của công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty cổ phần Tráng Tiên từ một nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam. Theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết phụ lục.

Khoản lãi phải thu đang được trình bày trên ngắn hạn, khoản gốc phải thu được trình bày trên dài hạn. Khoản phải thu gốc dài hạn và lãi phải thu đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty OCH số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

(12) Phải thu bà Hứa Bích Hạnh bao gồm:

- Khoản tiền 40.000.000.000 đồng chuyển cho bà Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012, với thời hạn 12 tháng, Hợp đồng hết hạn từ 31/03/2013 và được gia hạn đến 31/03/2015.
- Khoản tiền 16.794.444.446 đồng là tiền lãi tính trên khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2013.

(13) Khoản phải thu công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tráng An bao gồm:

- Khoản tiền 20.000.000.000 đồng là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 33/2014/HĐDC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tráng An ngày 09 tháng 9 năm 2015. Theo Công văn số 08A/2016/CV-OCH ngày 15 tháng 1 năm 2016, Hợp đồng đặt cọc đã chấm dứt và Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tráng An phải hoàn lại số tiền đặt cọc trên cho OCH.
- Khoản tiền 1.966.666.667 đồng là khoản lãi phải thu của khoản tiền 20.000.000.000 đồng nêu trên tính từ ngày đặt cọc 10/09/2015.

**8 . PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

(14) Khoản tiền phải thu của Công ty OTL liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Công ty OTL đối với phần vốn góp vào Dự án Thạch Thất cho bên nhận chuyển nhượng là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt.

(15) Khoản tiền lãi 35.552.260.551 đồng của khoản tiền 162.000.000.000 đồng Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (Công ty con của Công ty) cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang vay theo Hợp đồng cho vay ngày 13 tháng 1 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 7. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 13 tháng 1 năm 2015.

(16) Phản ánh các khoản ký quỹ cho Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh để đầu tư dự án Trung tâm Tài chính và Siêu thị Ocean tại tỉnh Quảng Ninh. Công văn của UBND Tỉnh Quảng Ninh số 1886/QĐ-UBND ngày 23 tháng 06 năm 2016 về việc chấm dứt hoạt động đầu tư đối với 03 dự án của Công ty làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để thu hồi lại khoản khoản ký quỹ này. Công ty chưa đánh giá được các ảnh hưởng có thể có liên quan đến việc chấm dứt 03 dự án tại tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng nào được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(17) Phản ánh khoản ký quỹ của VNT liên quan đến hợp đồng quyền chọn mua cổ phiếu của PVR. Theo hợp đồng này, Công ty có quyền mua cổ phiếu của PVR tại bất kỳ thời điểm nào với giá bằng giá bình quân giao dịch của cổ phiếu công ty này vào ngày thực hiện quyền mua. Số tiền mua cổ phiếu trên sẽ được khấu trừ vào khoản tiền Công ty đã ký quỹ cho VNT. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty chưa thực hiện quyền mua cổ phiếu này.

**9 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tiền (*)	3.508.248.253	3.508.248.253
- Tài sản khác	453.229.582	586.867.225
	<b><u>3.961.477.835</u></b>	<b><u>4.095.115.478</u></b>

(\*) Phản ánh khoản chênh lệch thiếu tiền mặt giữa tồn quỹ thực tế và số dư trên sổ kế toán với số tiền 3.508.248.253 đồng. Công ty chưa xác định được nguyên nhân và đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính của Công ty.

**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ 30%	162.467.258.483	113.509.531.038	107.549.933.990	75.284.953.793
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ 50%	1.183.304.931.335	168.888.208.711	501.855.750.769	250.927.875.384
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ 70%	200.047.003.597	60.014.101.079	18.666.295.602	5.599.888.681
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ 100%	790.872.817.001	-	992.715.091.655	-
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ khác	784.271.449.453	277.220.601.974	1.795.089.253.415	725.012.298.018
	<b><u>3.120.963.459.869</u></b>	<b><u>619.632.442.802</u></b>	<b><u>3.415.876.325.431</u></b>	<b><u>1.056.825.015.876</u></b>

10 . NỢ XẤU (Tiếp theo)

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>b. Dài hạn</b>				
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ 100%	717.255.083.564	-	500.000.000.000	-
- Số dư công nợ trích lập tỷ lệ khác	450.000.000.000	335.000.000.000	505.679.166.668	436.679.166.668
	<b>1.167.255.083.564</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>1.005.679.166.668</b>	<b>436.679.166.668</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa trên việc đánh giá thận trọng các khoản phải thu dựa trên thời gian chậm thanh toán của các đối tượng nợ, tình hình tài chính của các công ty đã nhận hỗ trợ vốn và các khoản Công ty đang ghi nhận phải trả các đối tượng này. Theo đó, các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC, các khoản hỗ trợ vốn và các khoản phải thu được Công ty trích lập dự phòng căn cứ vào tình hình tài chính dựa vào các báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và các thông tin khác có liên quan của các đối tượng này.

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	14.117.680.840	-	13.236.579.518	-
- Công cụ, dụng cụ	2.917.576.617	-	1.928.267.688	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	230.652.626.571	-	230.296.910.571	-
- Thành phẩm	1.039.761.016	-	1.384.173.699	-
- Hàng hóa	57.977.979.101	-	737.545.055	-
	<b>306.705.624.145</b>	<b>-</b>	<b>247.583.476.531</b>	<b>-</b>

(\*) Chủ yếu phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Saigon Airport Plaza tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (Công ty con của Công ty), bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án theo hợp đồng chuyển nhượng với Công ty CP Đầu tư Việt Liên Á-Phù Hưng Gia. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HDQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza và thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành phố Hà Nội thanh toán cho nhà thầu theo hồ sơ quyết toán, giao cho Tổng Giám đốc thương thảo với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long việc chia chi phí thanh toán cho nhà thầu theo tỷ lệ góp vốn đã đầu tư vào dự án.



12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỔ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Mua sắm</b>		
- Phần mềm kế toán hợp nhất Bravo 7.0	147.400.000	147.400.000
- Chi phí đăng ký thương hiệu công ty	-	235.928.682
- Chi phí khác	28.880.404	-
<b>b) Xây dựng cơ bản</b>		
- Khách sạn Starcity Nha Trang	467.057.774	245.241.998.798
- Starcity Westlake Hanoi (1)	171.184.160.168	171.184.160.168
- Dự án trung tâm thương mại, Văn phòng và khách sạn tại Hạ Long (2)	45.594.897.399	45.557.400.919
- Dự án Hạ Đình (3)	9.429.061.209	9.385.970.381
- Trồng rừng tại Lạng Sơn	6.400.216.451	6.400.216.451
- Dự án siêu thị Ocean (3)	9.818.627.662	9.818.627.662
- Dự án Licogi 19 (3)	5.160.552.294	5.160.552.294
- Các công trình khác	7.566.972.557	8.519.063.538
<b>c) Sửa chữa lớn</b>		
- Sửa chữa lớn Công trình kè 2 bên Villa Sunrise Hội An	1.291.630.000	-
	<b><u>257.089.455.918</u></b>	<b><u>501.651.318.893</u></b>

(1) Dự án StarCity Westlake Hà Nội được thực hiện bởi Công ty CP Viptour - Togi (Công ty con của Công ty). Dự án đã được khởi công từ năm 2013, số dư tập hợp trong giá trị công trình đến thời điểm 30/06/2016 chủ yếu là tiền thuê đất phải nộp cho Cục Thuế Hà Nội. Hiện tại Dự án vẫn đang tiếp tục triển khai.

(2) Theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 23 tháng 06 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc chấm dứt hoạt động đầu tư đối với Dự án tại tỉnh Quảng Ninh do Dự án này không triển khai theo đúng tiến độ như đã cam kết giữa Công ty và UBND Tỉnh. Công ty đang trong quá trình làm việc với UBND Tỉnh Quảng Ninh để thu hồi lại các khoản chi phí đã bỏ ra (như trình bày tại Thuyết minh số 8(16)). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty chưa đánh giá được các ảnh hưởng có thể có liên quan đến việc chấm dứt 03 dự án tại tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng nào được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(3) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, căn cứ vào các thông tin mà Công ty có được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng, tính khả thi và tính hiệu quả các Dự án của Công ty và tin tưởng các dự án này sẽ tiếp tục được triển khai, không bị suy giảm giá trị và Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thuê đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	102.756.284.239	3.196.669.509	105.952.953.748
Số tăng trong kỳ	-	414.968.682	414.968.682
- Mua trong kỳ	-	414.968.682	414.968.682
Số giảm trong kỳ	(30.536.000.000)	(221.436.600)	(30.757.436.600)
- Giảm do thoái vốn Công ty con	(30.536.000.000)	(221.436.600)	(30.757.436.600)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>72.220.284.239</b>	<b>3.390.201.591</b>	<b>75.610.485.830</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	13.838.647.754	1.929.270.025	15.767.917.779
Số tăng trong kỳ	941.997.860	373.154.621	1.315.152.481
- Khấu hao trong kỳ	941.997.860	373.154.621	1.315.152.481
Giảm trong kỳ	(13.307.696.859)	(149.686.600)	(13.457.383.459)
- Giảm do thoái vốn Công ty con	(13.307.696.859)	(149.686.600)	(13.457.383.459)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.472.948.755</b>	<b>2.152.738.046</b>	<b>3.625.686.801</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	88.917.636.485	1.267.399.484	90.185.035.969
Tại ngày cuối kỳ	70.747.335.484	1.237.463.545	71.984.799.029

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	234.012.263.073	30.376.823.037	264.389.086.110
Giảm do thoái vốn Công ty con	(234.012.263.073)	(30.376.823.037)	(264.389.086.110)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	102.699.994.700	30.127.278.271	132.827.272.971
Giảm do thoái vốn Công ty con	(102.699.994.700)	(30.127.278.271)	(132.827.272.971)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	131.312.268.373	249.544.766	131.561.813.139
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	58.572.210	366.921.778
- Chi phí trả trước thuê văn phòng, nhà xưởng	1.163.826.334	1.090.042.155
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.254.291.814	2.839.581.664
	<b>3.476.690.358</b>	<b>4.296.545.597</b>

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí thuê dài hạn Trung tâm thương mại tại Làng Quốc tế Thăng Long (1)	173.784.725.513	175.778.864.483
- Chi phí thuê dài hạn Trung tâm thương mại Ninh Bình Plaza (2)	84.628.636.386	85.749.545.472
- Chi phí thuê dài hạn VNT Tower 19 Nguyễn Trãi (3)	81.036.568.636	81.519.427.636
- Chi phí thuê đất (4)	51.575.084.740	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	32.742.086.407	35.190.273.694
	<b>423.767.101.682</b>	<b>378.238.111.285</b>

(1) Hợp đồng cho thuê mặt bằng dài hạn giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương về việc cho thuê toàn bộ diện tích khu thương mại là 8.124,08 m<sup>2</sup> và 211,4 m<sup>2</sup> tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Bên thuê sử dụng diện tích thuê để kinh doanh, khai thác dịch vụ thương mại và các mục đích khác. Thời hạn thuê được xác định bắt đầu từ ngày hai bên ký Biên bản bàn giao diện tích thuê và đến hết thời hạn còn lại của Dự án theo quyết định giao đất số 643/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 của UBND thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 30/06/2016, thời hạn thuê còn lại lần lượt đối với 02 khu trung tâm thương mại trên là 44 năm và 43,5 năm.

(2) Hợp đồng thuê diện tích mặt bằng giữa Công ty Cổ phần Ninh Bình Plaza và Công ty về việc cho thuê tầng 1 (diện tích 1.906 m<sup>2</sup>) và tầng 2 (diện tích 800 m<sup>2</sup>) Khách sạn Ninh Bình Plaza. Mục đích sử dụng: để làm trung tâm thương mại, văn phòng làm việc và các mục đích khác phù hợp với chức năng của tòa nhà. Thời hạn thuê: bắt đầu kể từ ngày bên cho thuê bàn giao mặt bằng cho bên thuê cho đến hết thời hạn bên cho thuê được quyền sử dụng đất xây dựng khách sạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD526021 cấp ngày 29/01/2011. Đến thời điểm 30/06/2016 thời hạn thuê còn lại là 37,8 năm.

(3) Hợp đồng thuê sàn thương mại giữa Công ty TNHH VNT và Công ty về việc cho thuê toàn bộ diện tích sàn dùng làm trung tâm thương mại từ tầng 2 đến tầng 4 tòa nhà VNT TOWER tại số 19, Nguyễn Trãi, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng diện tích sàn thương mại là 3.000 m<sup>2</sup>. Mục đích thuê: làm trung tâm thương mại, dịch vụ và các mục đích khác phù hợp với quy hoạch kiến trúc công trình, tuân thủ pháp luật. Thời hạn thuê: toàn bộ thời gian còn lại của tòa nhà theo dự án đầu tư được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000314 của UBND thành phố Hà Nội ngày 15/10/2010. Đến thời điểm 30/06/2016 thời hạn thuê còn lại là 47 năm.

(4) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2013/HDHT/VS-OCH ngày 17/10/2013 giữa Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương với Công ty CP Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt Sing, Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phải trả tiền thuê đất một lần tại KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội với thời gian sử dụng đất đến 28/09/2053.

17 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Du lịch khách sạn Suối Mơ	1.124.118.327	1.242.446.573
- Công ty Cổ phần Tân Việt	9.003.208.559	9.911.257.187
- Công ty Cổ phần truyền thông Đại Dương	282.135.040	448.426.993
- Công ty Cổ phần Viptour - Togi	55.570.398.687	59.686.724.516
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	1.866.920.404	2.100.285.454
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	34.747.007.932	39.710.866.208
- Công ty Cổ phần Phát triển Giảng Võ	-	10.030.084.614
- Công ty Cổ phần kem Tràng Tiền	69.493.425.289	74.126.320.308
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	18.549.703.571	20.091.330.005
	<b>190.636.917.809</b>	<b>217.347.741.858</b>

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân (1)	449.988.280.000	449.988.280.000	-	5.000.000.000	444.988.280.000	444.988.280.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THƯ VIỆT NAM (2)	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	556.496.176.582	556.496.176.582	126.421.028.571	33.798.859.214	649.118.345.939	649.118.345.939
	<b>1.006.484.456.582</b>	<b>1.006.484.456.582</b>	<b>143.921.028.571</b>	<b>56.298.859.214</b>	<b>1.094.106.625.939</b>	<b>1.094.106.625.939</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (3)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (4)	631.974.148.711	631.974.148.711	-	156.478.883.210	475.495.265.501	475.495.265.501
	<b>1.131.974.148.711</b>	<b>1.131.974.148.711</b>	<b>-</b>	<b>156.478.883.210</b>	<b>975.495.265.501</b>	<b>975.495.265.501</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	<b>(556.496.176.582)</b>	<b>(556.496.176.582)</b>	<b>(126.421.028.571)</b>	<b>(33.798.859.214)</b>	<b>(649.118.345.939)</b>	<b>(649.118.345.939)</b>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>575.477.972.129</b>	<b>575.477.972.129</b>			<b>326.376.919.562</b>	<b>326.376.919.562</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 005/14/HĐTD/TTDVKHCL ngày 19/06/2014 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân, hạn mức vay 450.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn hợp tác với Công ty TNHH VNT thực hiện đầu tư dự án "Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang" (như trình bày tại Thuyết minh số 4). Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 11%/năm. Tài sản đảm bảo cho vay: 32.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần khách sạn và du lịch Đại Dương, giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này 564.480.000.000 đồng; 2.500.000 cổ phần ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đại Dương. Theo công văn số 429/2016/CV-NCB ngày 21 tháng 06 năm 2016 do Ngân hàng thông báo cho Công ty về thông tin khoản vay, hiện toàn bộ khoản vay này đang quá hạn tại Ngân hàng và được phân loại ở dịch vụ nhóm 5. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, khoản vay đã đến hạn trả và chưa được gia hạn thêm.

## 18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(2) Trong kỳ Công ty đã thanh toán toàn bộ số dư nợ vay với Công ty Cổ phần THT Việt Nam.

(3) Trái phiếu phát hành của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: Phản ánh giá trị trái phiếu Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư ( Công ty con của Công ty con) phát hành cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 07/HDTP/MSB ngày 01/09/2011 với các thông tin như sau:

+ Số lượng trái phiếu phát hành: 500 trái phiếu;

+ Mệnh giá trái phiếu phát hành: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu;

+ Mục đích vay: Đầu tư vào dự án Sunrise Resort Hội An và bổ sung vốn lưu động;

+ Thời hạn trái phiếu: 5 năm. Tuy nhiên, sau một năm kể từ thời điểm phát hành, Công ty có nghĩa vụ mua lại/ hoặc nhờ người khác mua lại khoản trái phiếu này bất cứ lúc nào Ngân hàng TMCP Hàng Hải đề nghị bán lại trái phiếu.

+ Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 15%/năm, với các năm tiếp theo là lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau trung bình của 04 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Hà Nội) tại ngày đầu tiên của kỳ tính lãi hoặc ngày làm việc ngay sau đó cộng 1%/năm;

+ Hình thức đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tại thời điểm 30/06/2015 là 500.000.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã yêu cầu Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư mua lại trái phiếu hoặc nhờ người mua lại trái phiếu đã phát hành này theo Công văn số 2512/2014/CV-MSB ngày 25/12/2014. Đến ngày 30/06/2016, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã yêu cầu Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư thực hiện thủ tục chuyển nhượng trái phiếu, theo đó yêu cầu đề nghị điều chỉnh lại việc cấp giấy chứng nhận cho chủ sở hữu mới là Công ty CP Đầu tư Tiến An (trước đây là Công ty Cổ phần Mua bán nợ VID). Tuy nhiên, Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng trái phiếu theo yêu cầu đề nghị của Ngân hàng này.

(4) Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương ("OCH") và Công ty con của OCH với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo các hợp đồng sau:

a) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ (Công ty con của OCH) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0152/2013/HDDTD-OCEANBANK.CNQN với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Nâng cấp khách sạn Suối Mơ;

+ Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;

+ Lãi suất cho vay: 11%/năm;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ tài sản là máy móc và thiết bị;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2016 là 553.734.359 đồng; trong đó, số phải trả kỳ tới là: 327.877.332 đồng.

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

b) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (Công ty con của OCH) tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng số 0047/2011/HDDTD1-OCEANBANK 01 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 342 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư xây dựng Dự án Khách sạn Sao Hôm tại địa chỉ số 72-74 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- + Thời hạn cho vay: 90 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng.
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuê tại địa chỉ số 72-74 Đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa thuộc Dự án Khách sạn Sao Hôm theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 37121000223 do UBND Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/12/2010.
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2014 là 266.031.166.911 đồng. Trong đó, khoản nợ đến hạn là: 69.790.468.607 đồng.

c) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (Công ty con của OCH) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060/2007/HDTD-OJBDN ngày 20/11/2007 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060.7/2007/PLHDTD-OJBDN ngày 09/06/2011 với các thông tin như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 326.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án Sunrise Resort;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay (giá trị xây dựng khu Sunsiser Resort), máy móc và thiết bị nội thất văn phòng (toàn bộ trang thiết bị nội thất trang trí khu Sunrise Resort) ;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2015 là 150.910.364.231 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm là 70.000.000.000 đồng.

d) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Bánh Givral (Công ty con của OCH) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0080/TDA/14CD ngày 24/02/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 88.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua và cải tạo nhà xưởng;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là toàn bộ công trình, trang thiết bị máy móc, nội thất kèm theo trang thiết bị nhà xưởng Givral tại Lô II - 1B, Lê Trọng Tấn, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2016 là 58.000.000.000 đồng, trong đó số gốc vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 9.000.000.000 đồng.

19 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Thống Nhất 508	2.239.847.346	2.239.847.346	2.239.847.346	2.239.847.346
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	4.924.836.532	4.924.836.532	4.924.836.532	4.924.836.532
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	3.416.080.510	3.416.080.510	3.616.080.510	3.616.080.510
- Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư Thương mại Việt Hàn	4.241.992.749	4.241.992.749	5.041.992.749	5.041.992.749
- Công ty TNHH Bê Tông và xây dựng Minh Đức	1.998.173.220	1.998.173.220	1.998.173.220	1.998.173.220
- Công ty TNHH VNT	1.849.806.891	1.849.806.891	1.849.806.891	1.849.806.891
- Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC	3.090.680.171	3.090.680.171	4.612.398.505	4.612.398.505
- Phải trả các đối tượng khác	46.593.032.534	46.593.032.534	43.990.489.193	43.990.489.193
	<b>68.354.449.953</b>	<b>68.354.449.953</b>	<b>68.273.624.946</b>	<b>68.273.624.946</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

20 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH VNT (1)	220.000.000.000	220.000.000.000
- Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (2)	218.342.528.086	240.060.375.421
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (3)	13.243.527.600	13.243.527.600
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (4)	6.630.600.000	6.630.600.000
- Các đối tượng khác	34.798.184.025	17.824.539.251
	<b>493.014.839.711</b>	<b>497.759.042.272</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (2)	101.672.849.093	101.672.849.093
	<b>101.672.849.093</b>	<b>101.672.849.093</b>

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

**20 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (Tiếp theo)**

(1) Phản ánh khoản nhận ứng trước của Công ty liên quan đến việc Công ty nhận làm tổng thầu cho VNT tại dự án “Khu đô thị số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang”. Theo Nghị quyết số 009/2016 ngày 22/03/2016 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua chủ trương thanh lý hợp đồng tổng thầu. Công ty đang trong quá trình làm việc với VNT để tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng này.

(2) Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước theo Hợp đồng mua bán căn hộ được ký kết giữa Công ty và khách hàng.

(3) Phản ánh khoản nhận ứng trước từ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông liên quan đến gói thầu “lập dự án chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp công nghệ và thi công xây dựng công trình dự án trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông”.

(4) Phản ánh các khoản nhận ứng trước từ Ngân hàng Oceanbank liên quan đến Hợp đồng số 06/2013/HĐTT/OCEAN BANK-OGC về việc xây dựng tòa nhà Nam Đàn Plaza.

**21 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 02.

**22 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Lãi vay trích trước	293.170.591.351	265.496.100.992
- Trích trước giá vốn hợp đồng xây dựng	7.636.227.040	7.636.227.040
- Chi phí Xây dựng cơ bản công trình Khách sạn Sao Hôm Nha Trang	241.011.659.624	-
- Các khoản trích trước	30.656.483.458	21.524.574.331
	<b>572.474.961.473</b>	<b>294.656.902.363</b>

**23 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngân hạn</b>	<b>964.947.880.966</b>	<b>1.004.346.429.725</b>
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (1)	198.802.111.804	174.612.394.774
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh (2)	116.042.770.800	116.042.770.800
- Cổ tức phải trả	122.683.871.354	122.861.072.453
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommercer (3)	115.792.625.707	130.812.625.707
- Công ty TNHH VNT (4)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Công ty tài chính Cổ phần Điện lực (5)	70.250.000.000	70.250.000.000
- Công ty Cổ phần BSC Việt Nam (6)	49.450.694.902	53.950.694.902
- Nhận ứng trước tiền chuyển nhượng THT (7)	-	50.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Gió Hát (8)	36.090.811.985	36.090.811.985
- Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng (9)	36.008.500.000	36.008.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà (8)	33.672.222.222	33.672.222.222
- Công ty Cổ phần Đầu tư và thương Mại Vneco Hà Nội (8)	32.826.888.888	32.826.888.888
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà (9)	30.336.667.000	30.336.667.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng (10)	18.788.834.489	18.788.834.489
- Phải trả ngắn hạn khác	32.201.881.815	26.092.946.505



23 . PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>	<b>737.741.626.930</b>	<b>750.692.963.040</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nội (11)	220.500.000.000	220.500.000.000
- Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng (12)	200.000.000.000	200.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà (13)	200.000.000.000	200.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Gió Hát (14)	70.067.483.056	70.067.483.056
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Hoàng Thành (15)	18.296.639.210	27.329.122.726
- Kinh phí bảo trì Dự án Starcity Lê Văn Lương	15.456.622.349	15.779.080.361
- Phải trả dài hạn khác	13.420.882.315	17.017.276.897
	<b><u>1.702.689.507.896</u></b>	<b><u>1.755.039.392.765</u></b>

c) Phải trả khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

(1) Phản ánh khoản tiền phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("Ocean Bank") bao gồm các khoản sau:

- Khoản phải trả số tiền 60.894.796.497 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 66.897.796.497 đồng) cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do thanh lý hợp đồng cho thuê mặt bằng Starcity Lê Văn Lương và VNT 19 Nguyễn Trãi.
- Khoản phải trả số tiền 137.907.315.307 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 107.714.598.277 đồng) cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương liên quan đến khoản vay để bổ sung vốn đầu tư dự án khách sạn Sao Hôm tại địa chỉ 72-74 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(2) Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh về giá trị phần vốn góp liên quan đến Dự án Saigon Airport Plaza.

(3) Phản ánh:

- Số tiền 79.677.103.485 đồng (số dư ngày 31/12/2015 là 94.697.103.485 đồng) mà Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommercer góp vốn với Công ty để cùng thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình cơ quan văn phòng, dịch vụ công cộng, nhà ở và nhà trẻ - Starcity Center tại khu đất HH Khu đô thị mới Đông Nam - Trần Duy Hưng theo thỏa thuận nguyên tắc ngày 30/09/2014.
- Phản ánh khoản cổ tức phải trả của 15,2 triệu cổ phần ưu đãi cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (OTL - công ty con của Công ty) do Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương ("ORC") (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincomerce) nắm giữ với số tiền là 36.115.522.222 đồng. Ngày 05 tháng 7 năm 2014, OTL và ORC đã ký văn bản thỏa thuận theo đó thống nhất chuyển đổi 15,2 triệu cổ phần ưu đãi cổ tức sang cổ phần ưu đãi quyền mua 10.000 m2 sân Trung tâm thương mại tại Dự án Starcity Center. Tại ngày phát hành báo cáo hợp nhất này, OTL chưa thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng này.

(4) Phản ánh khoản tiền mà một cá nhân đã chuyển cho Công ty để nhận chuyển nhượng 2.700.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương ("ORC") (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincomerce) thuộc sở hữu của Công ty TNHH VNT ("VNT") mà VNT đã ủy quyền cho Công ty thực hiện chuyển nhượng theo hợp đồng nguyên tắc giữa các bên ngày 03 tháng 10 năm 2014.

Liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng này, Công ty đã ký kết một hợp đồng nguyên tắc và các hợp đồng gián lược chi tiết với các đối tác mua. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty mới hoàn tất các quyền lợi, nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng gián lược và thực hiện thanh lý các hợp đồng này. Riêng hợp đồng nguyên tắc nêu trên chưa được thanh lý, theo đó, Công ty vẫn có thể có nghĩa vụ tiềm tàng theo hợp đồng này. Công ty đang trong quá trình tiến hành các thủ tục để thanh lý hợp đồng nguyên tắc nói trên và tin tưởng rằng vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

## 23 . PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

(5) Phản ánh khoản tiền phải trả theo hợp đồng đặt cọc từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 20 triệu cổ phiếu của OCH do Công ty nắm giữ. Như trình bày tại Thuyết minh số 4, ngày 17 tháng 7 năm 2015, Công ty EVNFC đã thực hiện giải chấp 19,95 triệu cổ phiếu OCH với số tiền được giải chấp là 179.550.000.000 đồng. Ngoài ra, theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty có nghĩa vụ thanh toán bổ sung 9,8 tỷ đồng tiền vì phạm hợp đồng.

(6) Phản ánh khoản phải trả BSC liên quan đến việc nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội ("Starbowl").

(7) Trong năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam ("THT") cho các cá nhân nhận chuyển nhượng. Tại ngày 01/02/2016, giao dịch chuyển nhượng đã hoàn tất, Công ty đã thoái vốn thành công toàn bộ số cổ phần của Công ty tại THT. THT không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

(8) Phản ánh khoản tiền phạt do thanh lý hợp đồng trước hạn mà Công ty còn phải thanh toán cho các đối tác này tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 với tổng số tiền là 132.926.590.095 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 132.926.590.095 đồng).

Công ty đang đánh giá khả năng thu hồi công nợ dựa trên cơ sở bù trừ công nợ phải thu với khoản phải trả khác này từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà với số tiền là 33.672.222.222 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội với số tiền là 32.826.888.888 đồng như trình bày tại Thuyết minh số 7, mặc dù Công ty chưa ký các thỏa thuận với đối tác này về việc bù trừ công nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế khác nhau.

(9) Phản ánh số tiền phải trả cho Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng khoản tiền nhận ứng trước từ việc cho thuê mặt bằng Starcity Lê Văn Lương nhằm phục vụ mục đích chung của tòa nhà này với số tiền là 36.008.500.000 đồng.

(10) Phản ánh khoản tiền nhận ứng trước của Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng về việc chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phú để triển khai dự án "Khu dân cư Hưng Phú".

(11) Phản ánh khoản tiền nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nội vào dự án "đầu tư, xây dựng và kinh doanh tòa nhà hỗn hợp văn phòng và căn hộ" tại khu đất có diện tích khoảng 4.632m<sup>2</sup> đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 024/2016/NQ-HĐQT-OGC ngày 01/06/2016 đã được thông qua, Công ty có chủ trương không đồng ý chấm dứt hợp đồng kinh tế trên theo đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nội.

(12) Phản ánh khoản tiền nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần Đồng về việc hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án "Xây dựng công viên hồ điều hòa thuộc khu đô thị Tây Nam Hà Nội". Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty sử dụng 7 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) để làm tài sản đảm bảo cho khoản nhận góp vốn này.

(13) Phản ánh khoản nhận ứng trước từ Mạnh Hà để nhận toàn bộ quyền tài sản của Công ty tại thỏa thuận đặt cọc về việc nhận chuyển nhượng khu thương mại thuộc dự án SSG Tower tại thành phố Hồ Chí Minh từ Công ty Cổ phần SSG Văn Thành. Tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 200 tỷ đồng, theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ quyền tài sản theo thỏa thuận đặt cọc nói trên cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà ngay khi được sự đồng ý từ chủ đầu tư.

### 23 . PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

(14) Phản ánh khoản còn phải trả Gió Hát về tiền nhận góp vốn từ công ty này vào dự án "Cột đồng hồ" tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trong năm 2014, Công ty và Gió hát đã có các thỏa thuận sơ bộ về việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư và phải hoàn trả khoản nhận góp vốn vào dự án này từ Gió Hát. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, hai bên vẫn trong quá trình làm việc để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài chính liên quan.

(15) Phản ánh khoản tiền nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Hoàng Thành ("Hoàng Thành") vào dự án "Tổ hợp thương mại, Tài chính dịch vụ và nhà ở Đại Dương" tại xã Thiện Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Để đảm bảo cho khoản nhận góp vốn này, Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ dự án này, 8 triệu cổ phiếu OCH, toàn bộ quyền thu nợ còn lại từ các hợp đồng chuyển nhượng một số căn hộ tại dự án "Starcity Lê Văn Lương" tại đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội với giá trị khoảng 26,6 tỷ đồng.

### 24 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	10.130.607.840	14.526.538.226
	<u>10.130.607.840</u>	<u>14.526.538.226</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincomerce (1)	235.382.515.477	238.230.569.221
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Nguyên (2)	82.386.818.214	83.507.727.290
- Khác	789.168.409	995.277.500
	<u>318.558.502.100</u>	<u>322.733.574.011</u>

(1) Phản ánh khoản tiền nhận được từ Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce) theo hợp đồng cho thuê dài hạn sân trung tâm thương mại Láng Quốc tế Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã nhận được toàn bộ giá trị tiền thuê của hợp đồng này. Doanh thu chưa thực hiện ghi nhận tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 235.382.515.477 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 238.230.560.221 đồng).

(2) Khoản tiền nhận được từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Nguyên theo hợp đồng cho thuê dài hạn sân vận phòng và trung tâm thương mại tại tầng 1 và tầng 2 khách sạn Ninh Bình Plaza. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã nhận được toàn bộ giá trị tiền thuê của hợp đồng này. Doanh thu chưa thực hiện ghi nhận tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 82.386.818.214 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 83.507.727.290 đồng).

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>1.286.825.482</b>	<b>(10.000)</b>	<b>107.218.163.881</b>	<b>15.054.366.859</b>	<b>(2.461.021.613.878)</b>	<b>642.368.992.815</b>	<b>1.304.906.725.159</b>
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(22.750.402.646)	(10.440.397.762)	(33.190.800.408)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.275.586.600)	(1.134.522.749)	(3.410.109.349)
Phân phối quỹ	-	-	-	2.873.321.454	-	(2.873.321.454)	-	-
Phân phối lại	-	-	-	-	-	8.478.554.461	(8.478.554.461)	-
Thoái vốn vẫn nằm quyền kiểm soát	-	-	-	(936.710.962)	(601.332.386)	39.369.782.158	(21.751.254.990)	16.080.483.820
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>1.286.825.482</b>	<b>(10.000)</b>	<b>109.154.774.373</b>	<b>14.453.034.473</b>	<b>(2.441.072.587.959)</b>	<b>600.564.262.853</b>	<b>1.284.386.299.222</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>1.286.825.482</b>	<b>(10.000)</b>	<b>108.373.203.002</b>	<b>14.345.072.839</b>	<b>(1.780.182.221.203)</b>	<b>694.455.945.019</b>	<b>2.038.278.815.139</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(472.350.041.629)	(31.603.363.307)	(503.953.404.936)
Ghi nhận bổ sung tỷ lệ lợi ích (âm) của cổ đông không kiểm soát trong Công ty con	-	-	-	-	-	30.207.454.159	(30.207.454.159)	-
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	5.920.592.118	(5.559.184.778)	361.407.340
Tăng khác	-	-	-	-	-	34.040.300	-	34.040.300
Ảnh hưởng do phân phối lợi nhuận của Công ty con	-	-	-	1.471.595.905	-	(3.085.495.109)	(3.384.148.209)	(4.998.047.413)
Thoái vốn toàn bộ khỏi công ty con	-	-	-	-	-	-	(63.511.077.761)	(63.511.077.761)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(9.557.454.186)	(3.702.242.851)	(13.259.697.037)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>1.286.825.482</b>	<b>(10.000)</b>	<b>109.844.798.907</b>	<b>14.345.072.839</b>	<b>(2.229.013.125.550)</b>	<b>556.488.473.954</b>	<b>1.452.952.035.632</b>

(\*) Khoản điều chỉnh tài sản thuế Thu nhập hoãn lại của chi phí thuế không được khấu trừ tương ứng với chi phí lãi vay phát sinh cho hoạt động đầu tư vốn, phát sinh năm 2013,2014.

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000

c) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	1	1
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.999.999	299.999.999
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>299.999.999</i>	<i>299.999.999</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ của công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	109.844.798.907	108.373.203.002
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.345.072.839	14.345.072.839
	<b><u>124.189.871.746</u></b>	<b><u>122.718.275.841</u></b>



## 26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng hóa và thành phẩm, bộ phận kinh doanh dịch vụ, bộ phận kinh doanh bất động sản, đầu tư và bộ phận kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo theo 4 bộ phận kinh doanh này.

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Bất động sản	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND		VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	129.022.397.952	211.175.314.876	125.695.044.636	88.036.363	(73.536.285.755)	392.444.508.072
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>49.705.776.264</b>	<b>71.710.113.755</b>	<b>8.557.520.339</b>	<b>68.181.818</b>	<b>7.805.006.158</b>	<b>137.846.598.334</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.744.136.580	46.343.954.436	-	-	-	49.088.091.016
Tài sản bộ phận	493.311.935.617	4.247.338.502.441	47.939.079.995	-	(2.811.285.473.660)	1.977.304.044.393
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	4.368.796.585.424
<b>Tổng tài sản</b>	<b>496.056.072.197</b>	<b>4.293.682.456.877</b>	<b>47.939.079.995</b>	<b>-</b>	<b>(2.811.285.473.660)</b>	<b>6.395.188.720.833</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	84.717.304.024	2.671.042.400.261	31.746.030.918	-	(689.590.367.840)	2.097.915.367.363
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	2.844.321.317.838
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>84.717.304.024</b>	<b>2.671.042.400.261</b>	<b>31.746.030.918</b>	<b>-</b>	<b>(689.590.367.840)</b>	<b>4.942.236.685.201</b>

**27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	128.929.141.546	122.567.255.860
Doanh thu cung cấp dịch vụ	210.503.104.109	183.189.324.963
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	53.464.761.001	42.979.954.673
Doanh thu khác	88.036.363	6.001.661.889
	<b><u>392.985.043.019</u></b>	<b><u>354.738.197.385</u></b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41 )

**28 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	540.534.947	303.117.587
	<b><u>540.534.947</u></b>	<b><u>303.117.587</u></b>

**29 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	128.388.606.599	122.264.138.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	210.503.104.109	183.189.324.963
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	53.464.761.001	42.979.954.673
Doanh thu khác	88.036.363	6.001.661.889
	<b><u>392.444.508.072</u></b>	<b><u>354.435.079.798</u></b>

**30 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	79.223.365.282	77.259.755.584
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	139.465.201.121	113.796.473.765
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	35.889.488.790	13.369.596.396
Giá vốn khác	19.854.545	5.176.828.715
	<b><u>254.597.909.738</u></b>	<b><u>209.602.654.460</u></b>

**31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.950.748.091	106.008.582.797
Lãi chuyển nhượng cổ phần	49.010.943.324	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	852.473.957	163.859.246
	<b><u>52.814.165.372</u></b>	<b><u>106.172.442.043</u></b>

**32 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	86.698.729.390	105.260.245.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	136.783.185	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	12.438.540.001	1.512.810.000
Chi phí tài chính khác	108.083.206	17.690.969.362
	<b><u>99.382.135.782</u></b>	<b><u>124.464.024.924</u></b>

**33 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.170.276.789	3.585.919.550
Chi phí nhân công	8.437.018.570	13.686.603.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.333.558	1.979.548.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.122.494.558	10.444.004.919
Chi phí khác bằng tiền	19.492.346.327	14.252.152.419
	<b><u>47.614.469.802</u></b>	<b><u>43.948.228.587</u></b>

**34 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	32.238.746.726	32.682.897.655
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.584.157.245	2.791.532.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	924.083.516	1.181.004.795
Chi phí dự phòng	406.824.896.397	28.726.570.124
Thuế, phí, và lệ phí	1.863.588.617	1.243.686.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.103.607.683	38.905.593.536
Chi phí khác bằng tiền	12.708.959.622	10.496.415.499
	<b><u>486.248.039.806</u></b>	<b><u>116.027.700.491</u></b>

**35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN Công ty con	8.062.814.846	36.735.749.518
	<b><u>8.062.814.846</u></b>	<b><u>36.735.749.518</u></b>



**36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(503.953.404.936)	(22.750.402.646)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(503.953.404.936)	(22.750.402.646)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	299.999.999	299.999.999
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.680)</b>	<b>(76)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.085.367.629	52.471.050.817
Chi phí nhân công	103.135.697.229	87.956.532.063
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.647.023.126	34.725.742.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.457.236.240	69.257.062.370
Chi phí khác bằng tiền	65.944.738.729	54.863.344.417
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	405.534.791.076	40.716.555.482
	<b>788.804.854.029</b>	<b>339.990.287.432</b>

**38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.797.029.875	-	239.450.141.907	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.269.730.701.757	(1.601.951.387.489)	3.253.938.437.499	(1.560.378.381.346)
Các khoản cho vay	1.520.393.804.339	(555.763.137.633)	1.524.393.804.339	(523.350.535.129)
Đầu tư ngắn hạn	93.895.727.759	(34.794.709.359)	146.517.527.759	(33.786.169.359)
Đầu tư dài hạn	171.101.778.800	(21.167.992.655)	360.142.135.149	(9.737.992.655)
<b>Cộng</b>	<b>5.225.919.042.530</b>	<b>(2.213.677.227.136)</b>	<b>5.524.442.046.653</b>	<b>(2.127.253.078.489)</b>

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.420.483.545.501	1.581.962.428.711
Phải trả người bán, phải trả khác	1.771.043.957.849	1.823.313.017.711
Chi phí phải trả	572.474.961.473	294.656.902.363
<b>Cộng</b>	<b>3.764.002.464.823</b>	<b>3.699.932.348.785</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.797.029.875	-	170.797.029.875
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.665.506.349.280	2.272.964.988	1.667.779.314.268
Các khoản cho vay	964.630.666.706	-	964.630.666.706
Đầu tư ngắn hạn	59.101.018.400	-	59.101.018.400
Đầu tư dài hạn	-	149.933.786.145	149.933.786.145
	<b>2.860.035.064.261</b>	<b>152.206.751.133</b>	<b>3.012.241.815.394</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	239.450.141.907	-	239.450.141.907
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.685.061.362.141	8.498.694.012	1.693.560.056.153
Các khoản cho vay	1.001.043.269.210	-	1.001.043.269.210
Đầu tư ngắn hạn	112.731.358.400	-	112.731.358.400
Đầu tư dài hạn	-	350.404.142.494	350.404.142.494
	<b>3.038.286.131.658</b>	<b>358.902.836.506</b>	<b>3.397.188.968.164</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>			
Vay và nợ	1.094.106.625.939	326.376.919.562	1.420.483.545.501
Phải trả người bán, phải trả khác	1.033.302.330.919	737.741.626.930	1.771.043.957.849
Chi phí phải trả	572.474.961.473	-	572.474.961.473
	<b>2.699.883.918.331</b>	<b>1.064.118.546.492</b>	<b>3.764.002.464.823</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Vay và nợ	1.006.484.456.582	575.477.972.129	1.581.962.428.711
Phải trả người bán, phải trả khác	1.072.620.054.671	750.692.963.040	1.823.313.017.711
Chi phí phải trả	294.656.902.363	-	294.656.902.363
	<b>2.373.761.413.616</b>	<b>1.326.170.935.169</b>	<b>3.699.932.348.785</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**39 . THÔNG TIN KHÁC**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết đầu tư chủ yếu như sau:

- Theo thỏa thuận đặt cọc mua khu thương mại thuộc dự án SSG Tower của Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh tại thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 799.453.347.840 đồng. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã thanh toán 198.226.211.840 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 198.226.211.840 đồng).
- Công ty cam kết góp vốn thành lập TKD với vốn điều lệ là 115.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty dự kiến góp 112.700.000.000 đồng, tương đương 98,7% vốn điều lệ của công ty này.

### 39 . THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

• Công ty cam kết thanh toán tiền cho Vneco theo hợp đồng mua bán căn hộ của dự án "Starcity Lê Văn Lương". Số tiền đã thanh toán đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 713.033.394.200 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 713.033.394.200 đồng) và Công ty còn phải trả theo cam kết trong hợp đồng là 90.685.892.800 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có các khoản nợ tiềm tàng:

• Theo biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty TNHH Gió Hát về việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 43/2013/HTĐT/OGC-GH ngày 14/10/2014, theo đó 02 bên thống nhất Công ty sẽ chịu phạt vì phạm bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Gió Hát, tuy nhiên giữa 02 bên chưa thống nhất mức phạt cụ thể. Công ty đã ước tính khoản phạt trong năm 2014 (trình bày tại Thuyết minh 23). Đến thời điểm hiện tại, giữa 02 bên vẫn chưa thống nhất được mức phạt bồi thường cụ thể. Công ty đang trong quá trình đánh giá liệu có hay không các nghĩa vụ tiềm tàng phát sinh từ thỏa thuận phạt này trong tương lai.

• Đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần trong Công ty cổ phần Trung tâm Văn hóa Thể Thao Giải trí Hà Nội, theo thỏa thuận của phụ lục bổ sung hợp đồng chuyển nhượng ngày 15 tháng 09 năm 2015, Công ty và Công ty Cổ phần BSC Việt Nam có nghĩa vụ thanh toán một khoản bồi hoàn và tiền lãi đặt cọc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty đang trong quá trình làm việc với Công ty Cổ phần BSC Việt Nam để thống nhất thỏa thuận về việc hoàn trả và ghi nhận khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này. Công ty đang trong quá trình đánh giá liệu có hay không các nghĩa vụ tiềm tàng phát sinh từ thỏa thuận phạt này trong tương lai.

• Công ty đang ghi giảm khoản công nợ với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực tương ứng số lượng cổ phiếu bị giải chấp 19,95 triệu cổ phiếu OCH với số tiền được giải chấp là 179.550.000.000 đồng theo giá trị trường tại thời điểm giải chấp. Giá trị khoản công nợ này có thể thay đổi khi 02 bên thống nhất được giá trị của hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh 23.

### 40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	93.856.277	33.044.532
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	Cùng Tập đoàn	171.818.182	343.636.364
Công ty CP Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Cùng Tập đoàn	-	281.110.545
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	50.000.000	64.461.300
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	Cùng Tập đoàn	-	10.346.041
<b>Doanh thu tài chính</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	-	1.129.224

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND	
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	91.563.645	-
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	28.600.000.000	29.600.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	61.000.000	61.000.000
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	508.815.839.258	509.515.839.258
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Cùng Tập đoàn	1.191.259.494	1.191.259.494
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>			
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	528.016.082.500	528.016.082.500
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	-	162.295.007
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	1.849.806.891	1.849.806.891
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	220.000.000.000	220.000.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Chi phí phải trả</b>			
Công ty TNHH VNT	Bên liên quan khác	1.607.884.289	1.568.231.648
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	
- Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.299.760.000	3.981.093.333	

#### 42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam soát xét.





**Bùi Văn Hương**  
Người lập biểu

**Vũ Xuân Dương**  
Kế toán trưởng

**Lê Huy Giang**  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

**Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	755.569.836.336	225.812.750.217	25.570.416.980	4.605.998.496	6.776.040.156	1.018.335.042.185
Số tăng trong kỳ	551.181.530.643	46.476.504.436	2.611.586.580	-	508.082.810	600.777.704.469
- Mua trong kỳ	-	46.476.504.436	2.611.586.580	-	-	49.088.091.016
- Đầu tư XDCB hoàn thành	361.705.137.507	-	-	-	-	361.705.137.507
- Chuyển từ BDS đầu tư	189.084.965.690	-	-	-	-	189.084.965.690
- Phân loại lại	391.427.446	-	-	-	508.082.810	899.510.256
Số giảm trong kỳ	(2.050.947.400)	(36.391.019.559)	(3.876.861.411)	(223.413.611)	-	(42.542.241.981)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.050.947.400)	(1.109.400.272)	(1.224.020.752)	-	-	(4.384.368.424)
- Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(34.382.109.031)	(2.652.840.659)	(223.413.611)	-	(37.258.363.301)
- Phân loại lại	-	(899.510.256)	-	-	-	(899.510.256)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.304.700.419.579</b>	<b>235.898.235.094</b>	<b>24.305.142.149</b>	<b>4.382.584.885</b>	<b>7.284.122.966</b>	<b>1.576.570.504.673</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	153.226.852.206	137.542.788.062	15.593.692.806	2.924.725.829	4.672.762.494	313.960.821.397
Số tăng trong kỳ	34.303.264.249	10.431.663.825	1.290.813.857	140.506.355	486.784.460	46.653.032.746
- Khấu hao trong kỳ	34.303.264.249	10.110.501.725	1.290.813.857	140.506.355	486.784.459	46.331.870.645
- Phân loại lại	-	321.162.100	-	-	1	321.162.101
Số giảm trong kỳ	(1.133.823.417)	(34.026.068.891)	(2.907.915.817)	(209.496.657)	-	(38.277.304.782)
- Thanh lý, nhượng bán	(812.661.316)	(1.023.574.141)	(989.567.554)	-	-	(2.825.803.011)
- Giảm do thoái vốn Công ty con	-	(33.002.494.750)	(1.918.348.263)	(209.496.657)	-	(35.130.339.670)
- Phân loại lại	(321.162.101)	-	-	-	-	(321.162.101)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>186.396.293.038</b>	<b>113.948.382.996</b>	<b>13.976.590.846</b>	<b>2.855.735.527</b>	<b>5.159.546.954</b>	<b>322.336.549.361</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	602.342.984.130	88.269.962.155	9.976.724.174	1.681.272.667	2.103.277.662	704.374.220.788
Tại ngày cuối kỳ	1.118.304.126.541	121.949.852.098	10.328.551.303	1.526.849.358	2.124.576.012	1.254.233.955.312

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng:

48.223.286.617 VND

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

427.697.829.852 VND

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm tài sản thuế hoãn lại	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	14.068.547.871	28.974.234.694	32.433.905.849	-	-	10.608.876.716
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	99.824.599	687.777.391	678.769.772	-	-	108.832.218
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.272.684.424	13.872.328.198	11.783.379.593	22.179.590.740	2.474.993.342	7.979.381.625	4.657.807.594
- Thuế Thu nhập cá nhân	28.847.723	863.283.493	3.305.801.631	3.388.571.774	-	132.160.804	883.826.431
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	103.224.309.080	1.263.572.924	1.422.189.800	-	226.012.327	103.291.704.531
- Các loại thuế khác	20.266.148	20.148.685.111	9.490.906.219	1.214.463.773	-	-	28.404.861.409
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	258.657.140	258.657.140	-	-	-
	<b>9.321.798.295</b>	<b>152.276.978.352</b>	<b>55.764.329.592</b>	<b>61.576.148.848</b>	<b>2.474.993.342</b>	<b>8.337.554.756</b>	<b>147.955.908.899</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.